

Bản án số: 39/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19-7-2023

V/v tranh chấp: Ly hôn, nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Mạnh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Thành và bà Bùi Thị Vân.

- Thư ký phiên toà: Bà Hoàng Thị Thùy Dương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 19/7/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số 99/2023/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2023, về tranh chấp: Ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 27/6/2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Đoàn Thị H sinh năm 1982, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

2. Bị đơn: Anh Vũ Đình Tr sinh năm 1976, vắng mặt.

Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

- Những người làm chứng:

+ Ông Đoàn Văn K sinh năm 1963, vắng mặt.

+ Ông Vũ Đình N sinh năm 1954, vắng mặt.

+ Bà Lê Thị Th sinh năm 1957, vắng mặt.

Đều có địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị H, bị đơn anh Tr, trình bày: Anh, chị kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương vào ngày 09/12/2016. Chị H, anh Tr chung sống đến khoảng năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân do hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không còn tin tưởng lẫn nhau. Vợ

chồng chung sống đến tháng 9/2022 thì sống ly thân, mỗi người một nơi cho đến nay. Nay, chị H và anh Tr đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị H xin ly hôn, anh Tr đồng ý.

Về con chung: Chị H, anh Tr xác định có một con Vũ M. A sinh ngày 07/02/2018, hiện tại do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn, chị H, anh Tr đều có quan điểm, để chị H tiếp tục nuôi dưỡng con, anh Tr tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H là 2.000.000đ/tháng, cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản, nợ chung, công sức: Chị H, anh Tr không yêu cầu giải quyết.

Tại Biên bản lấy lời khai, đơn đề nghị ông K, ông N, bà Th (là bố, mẹ của đương sự) xác định: Khi còn chung sống giữa chị H và anh Tr có phát sinh mâu thuẫn, đã được gia đình động viên, khuyên bảo nhưng không thành, đã sống ly thân, đến nay không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Ông K đề nghị giải quyết cho chị H ly hôn anh Tr, giao cháu Anh cho chị H nuôi dưỡng. Ông N, bà Th đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện VKSND huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung vụ án, đề nghị HĐXX áp dụng Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 51, 53, 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của UBTVQH. Xử, chị H ly hôn anh Tr; giao con chung cho chị H nuôi dưỡng. Chị H phải chịu án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, HĐXX, nhận định.

[1]. Về thủ tục tố tụng: Chị H, anh Tr đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 227, 228, 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự, HĐXX xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng.

[2]. Về hôn nhân: Chị H, anh Tr kết hôn trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn tại UBND xã T, huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương ngày 09/12/2016, được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hai bên bất đồng quan điểm sống, không hợp tính nết, không còn tin tưởng nhau. Theo UBND xã T, người thân trong gia đình của đương sự đều xác định, mâu thuẫn giữa các bên đương sự đã trầm trọng, không còn khả năng đoàn tụ hôn nhân. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tạo điều kiện cho hai bên đương sự được gặp gỡ, tham gia phiên hòa giải, mục đích tìm kiếm biện pháp để đoàn tụ hôn nhân, nhưng hai bên đều từ chối không tham gia phiên hòa giải và xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn. Như vậy, từ những căn cứ như đã nêu ở trên, chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa hai bên đương sự đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận yêu

cầu của đương sự và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, xử chị H ly hôn anh Tr.

[3]. Về con chung: Xác định chị H, anh Tr có một con là Vũ M. A sinh ngày 07/02/2018. Khi ly hôn, chị H, anh Tr đều có quan điểm giao cháu Anh cho chị H nuôi dưỡng, anh Tr tự nguyện cấp dưỡng tiền nuôi dưỡng con cho chị H ở mức 2.000.000đ/tháng. Vì vậy, cần chấp nhận nguyện vọng của đương sự, giao cháu Anh cho chị H nuôi dưỡng, anh Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con ở mức 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

[4]. Về tài sản, nợ, công sức: Chị H, anh Tr không yêu cầu giải quyết, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Do anh Tr thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con, nên phải chịu án phí cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Các Điều 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

1. Về hôn nhân: Chị Đoàn Thị H ly hôn anh Vũ Đình Tr.

2. Về con chung: Giao con Vũ M. A sinh ngày 07/02/2018 cho chị Đoàn Thị H tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Vũ Đình Tr có nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con cho chị H là 2.000.000đ/tháng, kể từ tháng 7/2023 cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Vũ Đình Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu người phải thi hành án chưa thi hành khoản trên thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự. Nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí: Chị Đoàn Thị H phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền 300.000đ, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0003482, ngày 06/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Anh Vũ Đình Tr phải chịu 300.000đ án phí cấp dưỡng tiền nuôi con.

4. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự được quyền kháng cáo bản án trong

hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã T, huyện Thanh Hà;
- Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Mạnh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

